

**Phụ lục I**  
**DANH MỤC CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NGÀNH, LĨNH VỰC**  
**QUY MÔ QUỐC GIA, CẤP VÙNG, QUY HOẠCH NGÀNH QUỐC GIA**  
**VÀ QUY HOẠCH CÓ TÍNH CHẤT KỸ THUẬT, CHUYÊN NGÀNH**  
**PHẢI THỰC HIỆN ĐÁNH GIÁ MÔI TRƯỜNG CHIẾN LƯỢC**  
*(Kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của*  
*Chính phủ)*

| STT       | Đối tượng  |
|-----------|--|
| <b>I</b>  | <b>Chiến lược phát triển ngành, lĩnh vực quy mô quốc gia, cấp vùng</b>                                 |
| 1         | Chiến lược phát triển công nghiệp  |
| 2         | Chiến lược phát triển giao thông vận tải   |
| 3         | Chiến lược về địa chất, khoáng sản theo quy định của pháp luật về địa chất, khai khoáng <sup>183</sup> |
| 4         | Chiến lược thủy lợi  |
| 5         | Chiến lược phát triển thủy sản   |
| 6         | Chiến lược phát triển chăn nuôi  |
| 7         | Chiến lược phát triển nông nghiệp, nông thôn   |
| 8         | Chiến lược phát triển năng lượng   |
| 9         | Chiến lược phát triển vật liệu xây dựng  |
| <b>II</b> | <b>Quy hoạch</b>   |
| 1         | Quy hoạch ngành quốc gia   |
| 1.1       | Quy hoạch mạng lưới đường bộ   |
| 1.2       | Quy hoạch mạng lưới đường sắt  |
| 1.3       | Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng biển   |
| 1.4       | Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc                              |

<sup>183</sup> Mục này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại mục 1 Phụ lục được ban hành kèm theo Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, có hiệu lực kể từ ngày 06 tháng 01 năm 2025.

|      |   |
|------|---|
| 1.5  | Quy hoạch kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa  |
| 1.6  | Quy hoạch tổng thể về năng lượng  |
| 1.7  | Quy hoạch phát triển điện lực   |
| 1.8  | Quy hoạch hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt  |
| 1.9  | Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn  |
| 1.10 | Quy hoạch tài nguyên nước   |
| 1.11 | Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng quặng phóng xạ                            |
| 1.12 | Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản                       |
| 1.13 | Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản làm vật liệu xây dựng |
| 1.14 | Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ <sup>184</sup>            |
| 1.15 | Quy hoạch hệ thống du lịch <sup>185</sup>   |
| 2    | Quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành   |
| 2.1  | Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh, nguồn nước liên tỉnh                             |
| 2.2  | Quy hoạch bảo vệ, khai thác, sử dụng nguồn nước liên quốc gia                               |
| 2.3  | Quy hoạch thủy lợi  |
| 2.4  | Quy hoạch đê điều   |
| 2.5  | Quy hoạch phát triển điện hạt nhân  |

<sup>184</sup> Mục này được bổ sung theo quy định tại mục 1 Phụ lục được ban hành kèm theo Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, có hiệu lực kể từ ngày 06 tháng 01 năm 2025.

<sup>185</sup> Mục này được bổ sung theo quy định tại mục 1 Phụ lục được ban hành kèm theo Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, có hiệu lực kể từ ngày 06 tháng 01 năm 2025.